

KHQU/24 - L.H.Thanh

BỘ Y TẾ
VIỆN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM Y TẾ

V/v: Đề nghị báo giá thiết bị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 03 tháng 01 năm 2025



PHIẾU YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Thiết bị kiểm tra độ toàn vẹn màng lọc”.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu: Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế
- Địa chỉ: 09 Pasteur, phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: 0258 3821230 – Số fax: 02583 823815

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Họ tên: Nguyễn Thị Thảo Trang
- Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư
- Số điện thoại: 02583821230
- Email: vattuivac@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: chọn lựa 01 trong 02 cách thức sau

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế, Phòng Vật tư

09 Pasteur, phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

- Nhận qua email: vattuivac@gmail.com (bản scan có dấu đỏ của công ty)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 03 tháng 01 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa kèm mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT
1	Thiết bị kiểm tra độ toàn vẹn màng lọc	Chi tiết trong Phụ lục đính kèm	1	Bộ

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt (các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản, kiểm tra, thử nghiệm): Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế, 9 Pasteur, phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

3. Thời gian thực hiện dự kiến: 14 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng 20% trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thanh toán 80% còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất giao hàng, lắp đặt, vận hành và bên mua nhận được bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - + Chứng nhận chất lượng (CQ), chứng nhận xuất xứ (CO)
 - + Hồ sơ thẩm tra IQ OQ
 - + Phiếu bảo hành
 - + Hóa đơn tài chính.

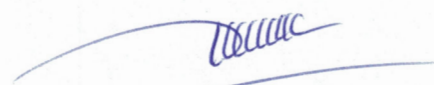
5. Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Trân trọng cảm ơn. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vật tư.

KT. TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ


Nguyễn Sỹ Tuấn



PHỤ LỤC
THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA

(Đính kèm Phiếu yêu cầu báo giá ngày 03 tháng 01 năm 2025)

TT	TÊN HÀNG HÓA, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
	Thiết bị kiểm tra độ toàn vẹn màng lọc
1	YÊU CẦU CHUNG: - Thiết bị mới 100% - Nguồn điện: 100 – 240 VAC ~ 50 60 Hz - Công suất đầu vào tối đa ở ~ 74W - Công suất sử dụng trung bình ở ~ 66W - Công suất tiêu thụ điện năng ở chế độ chờ ở ~ 14.8W - Cung cấp đầy đủ hồ sơ CO CQ IQ OQ theo tiêu chuẩn của hãng - Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng theo tiêu chuẩn của hãng
2	CẤU HÌNH bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Dây cáp mạng: 01 cái - Dây cáp máy in: 01 cái - Kẹp vi sinh triclamp 50.5 mm với đầu nối Stäubli (đóng): 01 cái
3	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT
3.1	ĐẶC ĐIỂM CHÍNH - Thực hiện tất cả các kiểm tra độ toàn vẹn tiêu chuẩn kết hợp với mức độ toàn vẹn dữ liệu tối ưu, khả năng sử dụng trực quan đáp ứng các yêu cầu hàng đầu về sức khỏe và an toàn - Có cổng kết nối USB để kết nối với máy in thông thường - Không giới hạn việc kiểm tra nhiều lần - Dữ liệu được bảo vệ an toàn khỏi các cuộc tấn công của vi-rút và phần mềm độc hại với hệ điều hành Linux được tùy chỉnh theo cấu trúc riêng của nhà sản xuất - Bảo vệ chống khả năng xâm nhập đạt chuẩn IP64 - Có tính năng chống cháy nổ (ATEX IECEx FM được chứng nhận) - Phù hợp để tại phòng sạch trong quá trình khử trùng bằng hơi H2O2 với khả năng chống chịu hơi H2O2 (VHP) - Không có chức năng tự động hóa và chức năng điều khiển từ xa.
3.2	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA - Khuếch tán



	- Điểm sủi bọt tiêu chuẩn hoặc được gia tốc (phát hiện bằng tỷ lệ quá mức) - Kết hợp giữa phương pháp khuếch tán và điểm sủi bọt - Phương pháp xâm nhập nước - Kiểm tra sục áp kiểm tra rò rỉ - Khuếch tán đa điểm (xem lộ trình)
3.3	PHẠM VI ĐO: - Áp suất kiểm tra khuếch tán và xâm nhập: 50 – 6,600 mbar 0.73 – 95.7 psi - Lưu lượng khuếch tán tối đa có thể lập trình: 0.01 – 4,800 ml/phút - Lưu lượng xâm nhập nước tối đa có thể lập trình: 0.005 ml/phút – 60.000 ml/phút - Lưu lượng khuếch tán tối đa có thể đo/hiển thị: 24,000 ml/phút (gấp 5 lần giá trị tối đa có thể lập trình) - Lưu lượng xâm nhập nước tối đa có thể đo/hiển thị: 300 ml/phút (gấp 5 lần giá trị tối đa có thể lập trình) - Điểm sủi bọt tối thiểu có thể lập trình: 250 – 6,550 mbar 3.63 – 95.0 psi - Sục áp có thể lập trình (không cao hơn áp suất kiểm tra): 0.1 – 6,600 mbar 0.002 – 95.7 psi - Thể tích mẫu tịnh với đo thể tích: * đối với khoang chứa tham chiếu bên trong: 14 L * đối với khoang chứa tham chiếu bên ngoài: 150 L - Thể tích tịnh mẫu tối đa cho kiểm tra sục áp: 1.000 L
3.4	PHẦN KHÍ NÉN: - Áp suất đầu vào tối đa ~ 8,000 mbar 116 psi - Bảo vệ quá áp: + 4,000 mbar (Áp suất đầu vào tối đa) - Áp suất đầu vào tối thiểu ~ 4,000 mbar 58 psi - Thể tích tham chiếu bên trong: * 1,023 ml tuân thủ Chỉ thị Thiết bị Áp lực 2014/68/EU * Áp suất tối đa ~ 12 bar có chứng nhận áp suất
3.5	ĐỘ CHÍNH XÁC KHI ĐO ĐẶC: - Áp suất đo được khoảng $\pm 0.1\%$ toàn thang đo (± 7.2 mbar ± 0.104 psi) - Sục áp đo được khoảng 0.2% giá trị đo được trước khi làm tròn - Xác định thể tích trong $\pm 4\%$ - Khuếch tán ở $\pm 5\%$ hoặc 0.05 mL/phút, tùy theo giá trị nào cao hơn - Xâm nhập ở $\pm 5\%$ hoặc 0.05 mL/phút, tùy theo giá trị nào cao hơn - Điểm sủi bọt: ± 50 mbar 0.73 psi, có thể cải thiện lên ± 25 mbar 0.36 psi (các bước áp suất có thể cấu hình) - Điểm sủi bọt gia tốc ở ± 50 mbar ± 0.73 psi từ áp suất bắt đầu đến một bước áp suất

	trên điểm sỏi bọt tối thiểu
3.6	KÍCH THƯỚC, KHỐI LƯỢNG VÀ ĐỘ ỒN: - Kích thước (Rộng × Dài × Cao): 348 × 379 × 286 mm hoặc tương đương - Trọng lượng: ≤17kg - Độ ồn tối đa ở khoảng cách 1 m khi xả áp với ống thông hơi: * ≤68 dB(A) tại 6,600 mbar (95.7 psi) * ≤51 dB(A) tại 3,000 mbar (47.9 psi)
3.7	Kẹp vi sinh triclamp 50.5 mm với đầu nối Stäubli (đóng) – SL: 1 cái Đảm bảo tương thích với Housing Single - Series 3000; 10-inch code 7; Merck Millipore; code H1AV7T1G01PP và giá đỡ của hệ thống TFF SartoFlow Beta, Sartorius, M19LSB0014, 52040088.
4	YÊU CẦU KHÁC: - Bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày hoàn thành bàn giao nghiệm thu vận hành đưa vào sử dụng - Thời gian giao hàng: ≤ 14 tuần - Địa điểm lắp đặt: tại phòng sử dụng của Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế - Cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao trong vòng 10 năm - Thời gian đáp ứng các sự cố: trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo (nếu quá thời gian trên mà nhà thầu không có mặt để xử lý sự cố thì chủ đầu tư thuê đơn vị độc lập xử lý, chi phí thực hiện sẽ trừ vào bảo lãnh bảo hành) - Giá trị hợp đồng đã bao gồm: chi phí giao hàng, lắp đặt, vận hành, đưa vào sử dụng, thẩm định IQ OQ.

